

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1443/2020/HC-ST**

Ngày: 09/9/2020

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về thuế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hề

2. Bà Nguyễn Hồng Hà

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Long Tiền Nhật

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/HCST ngày 20 tháng 12 năm 2016 về việc “ Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế ”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4411/2020/QĐXXST-HC ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa:

Người khởi kiện: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại Đ.T.L(gọi tắt là Công ty Đ.T.L)

Địa chỉ: 50/4B đường T, phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông N.T.C (Có mặt)

Địa chỉ: 010 Lô I Đường C8, chung cư T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bị kiện: 1. Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 63 Vũ Tông Phan, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận Gò Vấp (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 308 Nguyễn Văn Nghi, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận Gò Vấp: bà T.T.T.D và bà B.T.H (Có mặt)

NHẬN THẤY

Theo đơn kiện ngày 08/8/2016 và lời khai tại Tòa, Người khởi kiện – Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại Đ.T.L, có người đại diện theo pháp luật trình bày:

Vào năm 2008, 2009 Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại Đ.T.L(gọi tắt là Công ty Đ.T.L) có làm ăn chung với một số công ty trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại M.V.H, mã số thuế 0305857871(công ty M.V.H), Doang nghiệp tư nhân T.L (doanh nghiệp T.L), mã số thuế 0306738220, Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ N.T, mã số thuế 0306205974 (công ty N.T), Công ty trách nhiệm hữu hạn TTNT L.C, mã số thuế 0303751559 (Công ty L.C), Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N.P , mã số thuế 0307550998 (Công ty N.P), Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng dịch vụ thương mại H.Q , mã số thuế 0306138220 (Công ty H.Q). Quá trình làm ăn chung các bên có ký kết hợp đồng kinh tế, có chuyển khoản thanh toán Ngân hàng, lập phiếu thu, chi, sổ sách kế toán đầy đủ. Nhưng Chi cục thuế quận Gò Vấp lại ban hành quyết định số 04/QĐXL-CCT-KT6 ngày 11/01/2016 xử phạt Công ty Đ.T.L số tiền thuế 1.850.063.529 đồng, lý do Công ty đối tác bỏ trốn, có hành vi không khai thuế hoặc khai sai thuế. Và ngày 05/4/2016 Chi cục trưởng Chi cục thuế quận Gò Vấp ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 03/QĐGQKN-CCT-KTNB, giữ nguyên quyết định xử phạt số 04/2016/QĐXL-CCT-KT6. Ngày 20/7/2016 Chi cục trưởng Chi cục thuế quận Gò Vấp ban hành quyết định số 10994/QĐCCT-QLN cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt về thuế và tiền chậm nộp thuế, tổng cộng 1.883.505.368 đồng. ngày 19/8/2016 Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 89/QĐ-CT-KN giải quyết khiếu nại lần hai bác khiếu nại của công ty Đ.T.L, giữ nguyên quyết định xử phạt số 04/2016/QĐXL-CCT-KTNB và quyết định số 03/QĐGQKN-CCT-KTNB giải quyết khiếu nại lần đầu của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận Gò Vấp.

Công ty Đ.T.L không đồng ý với các quyết định nêu trên và yêu cầu hủy bỏ các quyết định này.

Người bị kiện – Chi cục trưởng Chi cục thuế quận Gò Vấp trình bày ý kiến tại văn bản số 23837/CCT-KTNB ngày 08/11/2018:

Thực hiện kiểm tra thuế tại Công ty Đ.T.L theo quyết định số 176/QĐ-KT-CCT-KT6 ngày 24/12/2015 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận Gò Vấp, niên độ kiểm tra: 2008, 2009.

Qua kết quả kiểm tra, đoàn kiểm tra có xuất toán thuế giá trị gia tăng (gọi tắt là GTGT) đầu vào kê khai khấu trừ của 23 hóa đơn có nguồn gốc từ 6 doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan thuế, đồng thời kết quả xác minh hóa đơn có sự chênh lệch giữa các liên, hóa đơn các doanh nghiệp đã bỏ địa

chỉ kinh doanh không kê khai tại cơ quan thuế.

- Năm 2008 : 04 số hóa đơn, thuế GTGT : 262.232.490 đồng

- Năm 2009 : 19 số hóa đơn, thuế GTGT : 1.066.300.856 đồng

Cùng với việc xuất toán thuế GTGT đầu vào của 23 số hóa đơn nêu trên, Đoàn kiểm tra có xuất toán một số hóa đơn đầu vào kê khai khấu trừ nhưng không liên quan đến sản xuất kinh doanh trong kỳ kiểm tra; có hóa đơn thuộc số hóa đơn không còn giá trị sử dụng; hóa đơn có giá trị chênh lệch giữa các liên; hóa đơn liên 2 thể hiện lập cho Công ty Đ.T.L nhưng liên 1 lập cho các đơn vị khác.

Với kết quả xác minh hóa đơn nêu trên, Chi cục Thuế quận Gò Vấp căn cứ các quy định về thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp xử lý như sau:

Ồ Áp dụng các căn cứ quy định thuế GTGT:

Do 23 số hóa đơn đầu vào nêu trên phát sinh tại thời điểm năm 2008, 2009, căn cứ:

Điểm 1.3, Mục III; Điểm 4.4 Mục IV Phần B Thông tư 32/2007/TT-BTC ngày 09/04/2007 của Bộ Tài chính quy định về thuế GTGT: là hóa đơn bất hợp pháp.

Do Công ty Đ.T.L có hành vi sử dụng 23 số hóa đơn bất hợp pháp có nguồn gốc từ 06 doanh nghiệp nêu trên để kê khai, khấu trừ thuế GTGT; căn cứ các quy định nêu trên, đoàn kiểm tra thuế thuộc Chi cục Thuế quận Gò Vấp xuất toán toàn bộ số thuế GTGT của 23 số hóa đơn đầu vào của Công ty Đ.T.L đã kê khai khấu trừ, thì không liên quan sản xuất kinh doanh trong kỳ, dẫn đến làm phát sinh thuế GTGT phải nộp:

+ Năm 2008: 264.786.593 đồng,

+ Năm 2009: 1.056.707.538 đồng.

Tổng cộng số thuế GTGT phải nộp: 1.321.494.131 đồng.

Ồ Áp dụng các căn cứ quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp (gọi tắt là thuế TNDN):

Tại thời điểm kiểm tra tại trụ sở Công ty Đ.T.L D, do doanh nghiệp có hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp kê khai, hạch toán kế toán nhưng không cung cấp được sổ kế toán chi tiết liên quan đến chi phí tương ứng với doanh thu theo quy định của Luật kế toán,

Căn cứ Điều 27 Nghị định 85/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế, Chi cục Thuế quận Gò Vấp khảo sát tỷ lệ thu nhập chịu thuế bình quân của 02 cơ sở kinh doanh cùng ngành nghề, quy mô tại địa phương:

+ Hồ sơ khai thuế năm 2007 của Công ty Đ.T.L đã được Cơ quan thuế kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế: Tỷ lệ thu nhập chịu thuế so với tổng doanh thu

năm 2007 là 2,9%,

+ Hồ sơ khai thuế năm 2008 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư thương mại xuất nhập khẩu SAGACO, MST: 0304435210 đã được Cơ quan thuế kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế: Tỷ lệ thu nhập chịu thuế so với tổng doanh thu năm 2008 là 5,6%.

Với tỷ lệ thu nhập chịu thuế so với tổng doanh thu của 02 đơn vị nêu trên, Chi cục Thuế quận Gò Vấp áp dụng tỷ lệ thu nhập chịu thuế bình quân cho trường hợp của Công ty TNHH XD TM Đ.T.L năm 2008, 2009 với tỷ lệ: 4,25% $\{4,25\% = (2,9\% + 5,6\%)/2\}$.

Từ việc ấn định của Chi cục Thuế quận Gò Vấp nêu trên làm phát sinh số thuế TNDN phải nộp tăng thêm năm 2008, 2009 của Công ty Đ.T.L như sau:

+ Năm 2008: 168.090.731 đồng,

+ Năm 2009: 360.478.667 đồng.

Tổng cộng thuế TNDN: 528.560.643 đồng.

- Về truy thu: qua xuất toán thuế GTGT và ấn định nêu trên, Chi cục Thuế quận Gò Vấp truy thu thuế GTGT và TNDN tương ứng như đã nêu trên.

- Về xử phạt: Do hành vi trốn thuế của Công ty Đ.T.L thuộc niên độ năm 2008, 2009. Tính đến thời điểm ban hành quyết định xử lý về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế tại trụ sở Công ty đã hết thời hiệu xử phạt theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 110 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006:

Căn cứ quy định nêu trên, Chi cục Thuế quận Gò Vấp ban hành Quyết định số 04/QĐXL-CCT-KT6 ngày 11/01/2016 xử lý truy thu thuế GTGT, DNTN đối với Công ty TNHH XD TM Đ.T.L như sau :

+ Truy thu thuế GTGT: 1.321.494.131 đồng

+ Truy thu thuế TNDN: 528.569.398 đồng

+ Không xử phạt do hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

Giải quyết khiếu nại lần thứ nhất :

Xét thấy nội dung khiếu nại không có cơ sở xem xét, Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận Gò Vấp ban hành quyết định số 03/QĐGQKN-CCT-KTNB ngày 05/04/2016 giữ nguyên quyết định số 04/QĐXL-CCT-KT6 ngày 11/01/2016; đồng thời ban hành quyết định 10994/QĐ-CCT-QLN ngày 20/7/2016 cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế, tương ứng với khoản tiền bị xử lý truy thu.

Người bị kiện Chi cục trưởng Chi cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh trình bày tại văn bản số 3786/CT-KTNB ngày 26/4/2016:

Căn cứ quyết định giải quyết khiếu nại của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận Gò Vấp và các chứng từ sổ sách của Công ty Đ.T.L , nhận thấy Công ty

Đ.T.L có hành vi vi phạm trốn thuế GTGT do kê khai khấu trừ thuế GTGT của 23 hóa đơn có nguồn gốc từ 06 doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh và đã được Cơ quan thuế truy xuất 23 số hóa đơn mua vào không liên quan sản xuất kinh doanh trong kỳ, dẫn đến làm phát sinh thuế GTGT phải nộp; đồng thời công ty không xuất trình được Sổ kế toán liên quan đến chi phí tương ứng doanh thu, theo qui định của Luật kế toán. Chi cục trưởng Chi cục thuế quận Gò Vấp ban hành quyết định xử lý thuế số 04/2016/QĐXL-CCT-KT6 và quyết định giải quyết khiếu nại số 03/2016/QĐGQKN-CCT-KTNB là đúng qui định.

Cục trưởng Cục thuế TP.Hồ Chí Minh ra quyết định số 89/QĐ-CT-KN ngày 19/08/2016 không công nhận đơn khiếu nại lần hai của Công ty Đ.T.L, giữ nguyên quyết định số 04/2016/ QĐXL-CCT-KT6.

Tại phiên Tòa hôm nay:

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Người bị kiện – Chi cục trưởng Chi cục thuế quận Gò Vấp và Cục trưởng Cục thuế Tp.HCM yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt
- Người bảo vệ quyền lợi của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận Gò Vấp trình bày: Công ty Đ.T.L có hành vi vi phạm trốn thuế GTGT do kê khai khấu trừ thuế GTGT của 23 hóa đơn có nguồn gốc từ 06 doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh và đã được Cơ quan thuế truy xuất 23 số hóa đơn mua vào không liên quan sản xuất kinh doanh trong kỳ, dẫn đến làm phát sinh thuế GTGT phải nộp; đồng thời công ty không xuất trình được Sổ kế toán liên quan đến chi phí tương ứng doanh thu. Các quyết định của Chi cục trưởng Chi cục thuế ban hành là đúng.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, của người tham gia tố tụng đúng qui định. Về nội dung: xuất toán toàn bộ số thuế GTGT của 23 số hóa đơn đầu vào Công ty Đ.T.L đã kê khai khấu trừ. Cùng việc xuất toán thuế GTGT đầu vào của 23 số hóa đơn nêu trên và một số hóa đơn mua vào, không liên quan sản xuất kinh doanh trong kỳ, dẫn đến làm phát sinh thuế GTGT phải nộp của hai năm 2008, 2009

Khảo sát tỷ lệ thu nhập chịu thuế bình quân của 02 cơ sở kinh doanh cùng ngành nghề, quy mô tại địa phương, Chi cục Thuế quận Gò Vấp áp dụng tỷ lệ thu nhập chịu thuế bình quân cho trường hợp của Công ty TNHH XD TM Đ.T.L năm 2008, 2009 với tỷ lệ: 4,25% {4,25% = (2,9% + 5,6%)/2}.

Từ việc ấn định của Chi cục Thuế quận Gò Vấp nêu trên làm phát sinh số thuế TNDN phải nộp tăng thêm năm 2008, 2009 của Công ty Đ.T.L.

Đề nghị bác khởi kiện của Công ty Đ.T.L.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và

qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thời hiệu khởi kiện:

Ngày 08/8/2016 Công ty Đ.T.L khởi kiện yêu cầu hủy bỏ các Quyết định số 04/QĐXL-CCT-KT6 ngày 11/01/2016, Quyết định số 03/QĐGQKN-CCT-KTNB ngày 05/4/2016, Quyết định 10994/QĐ-CCT-QLN ngày 20/7/2016 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận Gò Vấp, là còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 116 Luật Tổ tụng Hành chính (gọi tắt là Luật TTHC)

Đồng thời, Công ty Đ.T.L còn khởi kiện quyết định số 89/QĐ-CT-KN ngày 19/4/2016 về giải quyết khiếu nại lần hai về xử lý thuế, cũng còn thời hiệu khởi kiện trong hạn 01 năm.

[2] Đối tượng và Thẩm quyền ban hành quyết định bị kiện:

Các quyết định bị kiện liên quan đến xử lý thuế, giải quyết khiếu nại và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế đối với Công ty Đ.T.L nên thuộc đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính.

Quyết định xử lý về thuế do Chi cục trưởng Chi cục thuế quận Gò Vấp ban hành theo khoản 3 Điều 44 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2013, khoản 2 Điều 109 Luật quản lý thuế năm 2006

Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử lý về thuế do Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế ban hành theo Điều 94 Luật quản lý thuế năm 2006

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu về thuế do Chi cục trưởng Chi cục thuế quận Gò Vấp ban hành, đúng thẩm quyền theo Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai về thuế do Cục trưởng Cục thuế Tp.HCM ban hành, đúng thẩm quyền theo Điều 20 Luật khiếu nại năm 2011.

[3]. Nội dung của quyết định bị kiện số 04/QĐXL-CCT-KT6 ngày 11/01/2016:

Thực hiện kiểm tra thuế tại Công ty Đ.T.L theo quyết định số 176/QĐ-KT-CCT-KT6 ngày 24/12/2015 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận Gò Vấp, niên độ kiểm tra : 2008, 2009.

3.1. Truy thu thuế GTGT:

Qua kết quả kiểm tra, đoàn kiểm tra có xuất toán thuế giá trị gia tăng (gọi tắt là GTGT) đầu vào kê khai khấu trừ của 23 hóa đơn do công ty Đ.T.L xuất trình.

Năm 2008, liên quan 04 số hóa đơn đầu vào với số thuế GTGT: 262.232.490 đồng, Chi cục Thuế quận Gò Vấp đã xuất toán, trong đó:

+ 02 số hóa đơn đầu vào có nguồn gốc từ Công ty M.V.H, mst: 0305857871; địa chỉ: 49E Quốc Hưng, phường Thảo Điền, Quận 2.

Hóa đơn số 76573 ngày 06/10/2008, trị giá trước thuế: 371.346.400 đồng, thuế GTGT: 37.134.640 đồng. Ý kiến của Công ty Đ.T.L: mặt hàng Công ty mua

vào theo hóa đơn nêu trên là 03 mặt hàng: thép hình đã gia công, sơn bạch tuyết, que hàn. Số hàng hóa này được Công ty xuất bán cho Công ty Hiếu Sơn Nam, mst: 0303609048.

Hóa đơn số 76575 ngày 13/10/2008, trị giá trước thuế 1.126.600.000 đồng, thuế GTGT: 112.660.000 đồng. Ý kiến của Công ty Đ.T.L: số tiền thể hiện theo hóa đơn nêu trên là tiền sửa chữa căn nhà số 78 đường ký con, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1. Sau khi nhận thi công sửa chữa từ Công ty TNHH Ánh Kim, mst: 0302252606 (chủ đầu tư) theo Hợp đồng 01/06/2008/HĐSC-NC ngày 10/06/2008, Công ty Đ.T.L giao khoán lại cho Công ty M.V.H thi công theo Hợp đồng kinh tế số 01/HĐSC-2008 ngày 06/08/2008.

Công ty cung cấp sổ kế toán tháng 10, 12/2008.

Qua kiểm tra, xác minh:

02 số hóa đơn có nguồn gốc từ Công ty M.V.H, mst: 0305857871, cho thấy có chênh lệch giữa các liên: vừa chênh lệch về giá trị, đồng thời tên người mua hàng không khớp nhau, cụ thể:

Nội dung liên 2:

Stt	Hóa đơn			Đơn vị mua hàng	MST	Thuế GTGT
	Ký hiệu	Số	Ngày			
1	GT/2008N	76573	06/10/2008	Công ty TNHH Đ.T.L	0304692271	37.134.640
2	GT/2008N	76575	13/10/2008	Công ty TNHH Đ.T.L	0304692271	112.660.000

Kết quả xác minh từ Chi cục Thuế Quận 2:

Stt	Hóa đơn			Đơn vị mua hàng	MST	Thuế GTGT
	Ký hiệu	Số	Ngày			
1	GT/2008N	76573	27/10/2008	Công ty TNHH T.L.P	3600717274	780.288
2	GT/2008N	76575	29/10/2008	Công ty TNHH XD TM DV Kỹ Nghệ Lạnh L.P	0305165937	1.180.000

+ 02 số hóa đơn có nguồn gốc từ doanh nghiệp Thanh Lê, mst: 0306037712; địa chỉ: 1949A Quốc Lộ 1A, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12

Theo giải trình của Công ty Đ.T.L: trong số các mặt hàng thể hiện tại 02 số hóa đơn đầu vào từ doanh nghiệp T.L là mặt hàng thép hình đã gia công, sơn bạch tuyết, que hàn để cung cấp cho Công ty Hiếu Sơn Nam, mst: 0303609048 và Công ty Ngôi Nhà Đẹp, mst: 0306254957; ngoài ra, Công ty Đ.T.L mua thiết bị

và thuê doanh nghiệp T.L cung cấp, lắp đặt và sửa chữa tại Trung Tâm huấn luyện thuộc Trường PTTH Hùng Vương, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Qua kiểm tra, xác minh:

St t	Hóa đơn			Đơn vị mua hàng	MST	Thuế GTGT
	Ký hiệu	Số	Ngày			
1	LL/2008 N	15771 1	12/06/20 08	Công ty TNHH Đ.T.L	03060377 12	82.853.6 20
2	LL/2008 N	15772 3	13/12/20 08	Công ty TNHH Đ.T.L	03060377 12	29.584.2 30

Theo Thông báo số 06/TB-DNBT-CCT ngày 16/1/2009 của Chi cục Thuế Quận 12: Doanh nghiệp T.L đã bỏ địa chỉ kinh doanh kể từ ngày 09/01/2009; 02 số hóa đơn nêu trên thuộc các số hóa đơn doanh nghiệp T.L chưa sử dụng, từ số 157702 đến số 157750.

Năm 2009, liên quan đến 19 số hóa đơn với số thuế GTGT: 1.066.300.856 đồng, Chi cục Thuế quận Gò Vấp đã xuất toán, trong đó:

+ 10 số hóa đơn đầu vào có nguồn gốc từ Công ty H.Q ; mst: 0306138220; địa chỉ: 6B, đường Tân Thới Nhất 1, phường Tân Thới Nhất, Quận 12. Ý kiến của Công ty Đ.T.L: đây là hóa đơn tiền thuê Công ty H.Q thi công xây dựng nhà theo hình thức giao khoán, có hợp đồng giao khoán. Hóa đơn mua thép hình đã gia công, sơn bạch tuyết, que hàng, theo 03 hợp đồng kinh tế thể hiện mua hàng hóa từ Công ty H.Q số 01/HĐKT ngày 24/02/2009, số 01/03/HĐKT ngày 27/03/2009, số 02/03/HĐKT ngày 28/03/2009; 03 phiếu nhập kho; 03 phiếu xuất kho; Hợp đồng kinh tế. Và hóa đơn là tiền vật tư và phụ tùng ô tô mua từ Công ty H.Q , sau đó xuất bán toàn bộ cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại xuất nhập khẩu SAGACO.

Qua kiểm tra xác minh sổ sách kế toán của công ty Đ.T.L, tháng 02, 3, 4, 6 và tháng 11 năm 2009 :

STT	Hóa đơn			Tên đơn vị mua hàng	Mst	Thuế GTGT
	Ký hiệu	Số	Ngày			
	QA/2008N	187532	04/02/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	36.909.091
	QA/2008N	187542	14/02/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	37.000.000
	QE/2008N	13121	07/03/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	9.636.364

	QE/2008N	13148	20/03/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	60.380.555
	BH/2009N	85253	23/03/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	63.815.220
	BH/2009N	85269	07/04/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	38.636.364
	BH/2009N	85287	18/04/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	55.502.850
	BH/2009N	85294	20/04/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	52.820.655
	BH/2009N	85298	25/04/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	19.573.260
10	BH/2009N	85299	26/04/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	19.743.100
	Cộng					394.017.459

Kết quả trả lời xác minh hóa đơn ngày 28/07/2014 của Chi cục Thuế huyện Cần Giờ cho thấy vừa có sự chênh lệch về thuế GTGT, vừa không khớp đúng về thời gian lập hóa đơn, vừa không khớp về tên người mua hàng, cụ thể:

Stt	Hóa đơn			Tên đơn vị mua hàng	MST	Thuế GTGT qua xác minh hóa đơn
	Ký hiệu	Số	Ngày			
1	QA/2008N	187532	04/02/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	3.690.909
2	QA/2008N	187542	14/02/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	3.700.000
3	QE/2008N	13121	07/03/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	963.634
4	QE/2008N	13148	20/03/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	600.555
5	BH/2009N	85253	23/03/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	638.220
6	BH/2009N	85269	26/03/2009	Công ty Điện H.A	0305582659	389.040
7	BH/2009N	85287	30/03/3009	Công ty T.B.D	4200776534	578.000

8	BH/2009N	85294	31/03/2009	Công ty TNHH H.L	3600658163	235.350
9	BH/2009N	85298	31/03/2009	Công ty Thái B.D	4200776534	660.000
10	BH/2009N	85299	31/03/2009	Công ty Điện H.A	0305582659	580.000
Cộng						12.035.708

+ 04 số hóa đơn đầu vào có nguồn gốc từ Công ty N.T; mst: 0306205974; địa chỉ: 666/51 Đường 3/2, Phường 14, Quận 10. Theo ý kiến của Công ty Đ.T.L, đây là tiền mua các mặt hàng thép hình đã gia công, sơn bạch tuyết, que hàn, live, bulong, có hợp đồng mua hàng, Phiếu chi, Phiếu nhập kho, hóa đơn GTGT đầu ra xuất bán cho Công ty Hiếu Sơn Nam. Hợp đồng mua đất chọn lọc, công đào xúc, vận chuyển theo hình thức giao khoán lại cho Công ty N.T.

Stt	Hóa đơn			Tên đơn vị mua hàng	MST	Thuế GTGT
	Ký hiệu	Số	Ngày			
1	PK/2008N	82817	10/02/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	84.276.780
2	PK/2008N	82828	23/02/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	269.800.000
3	PK/2008N	82829	24/02/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	132.775.392
4	PK/2008N	82830	25/02/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	12.000.000
Cộng						498.852.172

Kết quả trả lời xác minh hóa đơn ngày 08/12/2015 của Chi cục Thuế Quận 10 cho thấy Công ty N.T kê khai thuế GTGT đến Tháng 01/2009; theo Thông báo số 71/TB-DNBT-CCTQ10-KT4 ngày 20/03/2009, Công ty N.T không còn tồn tại tại địa chỉ kinh doanh theo biên bản xác minh địa phương ngày 17/03/2009, 04 số hóa đơn nêu trên thuộc trong số 41 số hóa đơn không còn giá trị sử dụng (từ số PK/2008N 82810 đến số 82850).

+ 02 số hóa đơn đầu vào có nguồn gốc từ Công ty L.C; mst: 0303751559; địa chỉ: 281A Trường Chinh, phường Tân Thới Nhất, Quận 12. Theo giải trình của Công ty Đ.T.L là tiền mua các mặt hàng thép hình đã gia công, sơn bạch tuyết, que hàn, live, bulong, mua vật tư, phụ tùng ô tô, có hợp đồng mua hàng từ Công ty L.C, phiếu nhập kho. Số hàng này được Công ty Đ.T.L xuất bán toàn bộ cho Công ty Hiếu Sơn Nam, có phiếu xuất kho, hợp đồng bán ra và hóa đơn GTGT

bán ra.

Qua kiểm tra xác minh:

Stt	Hóa đơn			Tên đơn vị mua hàng	Mst	Thuế GTGT
	Ký hiệu	Số	Ngày			
1	NH/2007N	24827	19/06/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	26.898.750
2	NH/2007N	24828	23/06/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	30.890.000
Cộng						57.788.750

Kết quả trả lời xác minh hóa đơn ngày 17/07/2014 của Chi cục Thuế Quận 12: 02 số hóa đơn nêu trên, Công ty TNHH TTNT L.C không kê khai thuế tại Chi cục Thuế Quận 12; theo Thông báo số 69/TB-DNBT-CCT ngày 30/06/2009 của Chi cục Thuế Quận 12 cho thấy Công ty TNHH TTNT L.C đã bỏ địa chỉ kinh doanh vào ngày 01/06/2009, 02 số hóa đơn trên thuộc trong số 27 số hóa đơn chưa sử dụng, từ số NH/2007N 24824 đến số 24850.

+ 03 số hóa đơn đầu vào có nguồn gốc từ Công ty N.P ; mst: 0307550998; địa chỉ: 45 Tái Thiết, Phường 11, quận Tân Bình. Theo giải trình, đây là tiền mua các mặt hàng thép hình đã gia công, sơn bạch tuyết, que hàn, live, bulong, bởi các Hợp đồng kinh tế của Công ty N.P ; phiếu nhập kho. Số hàng hóa này được xuất bán toàn bộ cho Công ty Hiếu Sơn Nam, có hợp đồng và hóa đơn bán.

Qua kiểm tra xác minh:

Stt	Hóa đơn			Tên đơn vị mua hàng	Mst	Thuế GTGT
	Ký hiệu	Số	Ngày			
/1	PD/2009N	134358	23/11/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	45.017.911
2	PD/2009N	134360	25/11/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	39.373.807
3	PD/2009N	134361	26/11/2009	Công ty TNHH Đ.T.L	0306037712	31.250.757
Cộng						115.642.475

Kết quả trả lời xác minh hóa đơn ngày 08/12/2015 của Chi cục Thuế quận Tân Bình: 03 số hóa đơn nêu trên, Công ty N.P không kê khai thuế tại Chi cục Thuế quận Tân Bình và theo thông báo số 171/TB-DNBT-CCT ngày 21/12/2009 của Chi cục Thuế quận Tân Bình cho thấy Công ty N.P đã không còn hoạt động tại địa chỉ kinh doanh từ ngày 17/12/2009.

Xét mặc dù Công ty Đ.T.L có xuất trình các ủy nhiệm chi thanh toán tiền cho các công ty bán hàng, tuy nhiên như nêu trên, sau kiểm tra, có hóa đơn GTGT không còn giá trị sử dụng, chênh lệch về giá trị, tên người mua hàng không khớp, không có hồ sơ khai thuế của bên bán.

Với kết quả xác minh hóa đơn, Chi cục Thuế quận Gò Vấp căn cứ các quy định về thuế GTGT;

Điểm 1.3, Mục III; Điểm 4.4 Mục IV Phần B Thông tư 32/2007/TT-BTC ngày 09/04/2007 của Bộ Tài chính quy định về thuế GTGT:

“1.3- Căn cứ để xác định số thuế đầu vào được khấu trừ theo hướng dẫn tại điểm 1 mục này là số thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào; chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu; chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Tài chính áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không thuộc các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Cơ sở kinh doanh không được tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với trường hợp: hoá đơn GTGT sử dụng không đúng quy định của pháp luật như: hoá đơn GTGT không ghi thuế GTGT (trừ trường hợp đặc thù được dùng hoá đơn GTGT ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT); không ghi hoặc ghi không đúng tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán nên không xác định được người bán; hóa đơn, chứng từ nộp thuế GTGT giả, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn không (không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo); hóa đơn ghi giá trị không đúng giá trị thực tế của hàng hóa, dịch vụ mua, bán hoặc trao đổi.

4.4- Hoá đơn, chứng từ mua, bán, sử dụng trong các trường hợp dưới đây được coi là không hợp pháp:

a) Mua, bán hoá đơn chưa ghi nội dung theo quy định, trừ trường hợp mua hoá đơn do cơ quan thuế phát hành;

b) Mua, bán, sử dụng hoá đơn đã ghi các chỉ tiêu, nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng không phát sinh việc mua bán hàng hoá, dịch vụ kèm theo;

c) Mua, sử dụng hoá đơn giả, hoá đơn của cơ sở kinh doanh khác để bán ra, để hợp thức hoá hàng hoá, dịch vụ mua vào không có chứng từ hoặc hàng hoá, dịch vụ bán ra để gian lận thuế, để bán hàng hoá nhưng không kê khai nộp thuế;

d) Mua, bán, sử dụng hoá đơn có sự chênh lệch về giá trị hàng hoá, dịch vụ giữa các liên của hoá đơn;

đ) Mua, bán, sử dụng hoá đơn đã hết giá trị sử dụng;

e) Hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ mà thời điểm mua hàng hoá, dịch vụ phát sinh trước ngày xác định cơ sở kinh doanh bỏ trốn theo thông báo của cơ quan thuế, nhưng cơ quan thuế, cơ quan công an và các cơ quan chức năng khác đã có kết luận đó là các hoá đơn bất hợp pháp.

g) Hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ mà tại thời điểm mua hàng hoá, dịch vụ phát sinh tuy chưa có thông báo của cơ quan thuế về việc cơ sở kinh doanh bỏ trốn, nhưng cơ quan thuế, cơ quan công an và các cơ quan chức năng khác đã có kết luận đó là các hoá đơn bất hợp pháp”.

Điểm 1.3 Mục IV; Điểm 4, Điểm 5, Điểm 6 và Điểm 7 Mục V Phần B Thông tư 61/2007/TT-BTC ngày 14/06/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử lý vi phạm hành chính về thuế:

“IV. Xử phạt đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế

1.3. Sử dụng hoá đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán hàng hoá, dịch vụ mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số thuế được hoàn....

V. Hoá đơn, chứng từ mua, bán, sử dụng trong các trường hợp dưới đây được coi là không hợp pháp...

4. Mua, bán, sử dụng hoá đơn có sự chênh lệch về giá trị hàng hoá, dịch vụ giữa các liên của hoá đơn;

5. Mua, bán, sử dụng hoá đơn đã hết giá trị sử dụng;

6. Hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ mà thời điểm mua hàng hoá, dịch vụ phát sinh trước ngày xác định cơ sở kinh doanh bỏ trốn theo thông báo của cơ quan thuế, nhưng cơ quan thuế, cơ quan công an và các cơ quan chức năng khác đã có kết luận đó là các hoá đơn bất hợp pháp;

7. Hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ mà tại thời điểm mua hàng hoá, dịch vụ phát sinh tuy chưa có thông báo của cơ quan thuế về việc cơ sở kinh doanh bỏ trốn, nhưng cơ quan thuế, cơ quan công an và các cơ quan chức năng khác đã có kết luận đó là các hoá đơn bất hợp pháp.

Điểm 1.3 Mục III Phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính quy định về thuế GTGT:

“1.3. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào quy định như sau: ... Có hoá đơn giá trị gia tăng hợp pháp của hàng hoá, dịch vụ mua vào...”

Do Công ty TNHH XD TM Đ.T.L có hành vi sử dụng 23 số hóa đơn bất hợp pháp có nguồn gốc từ 06 doanh nghiệp nêu trên để kê khai, khấu trừ thuế GTGT; căn cứ các quy định nêu trên, đoàn kiểm tra thuế thuộc Chi cục Thuế quận Gò Vấp xuất toán toàn bộ số thuế GTGT của 23 số hóa đơn đầu vào Công ty TNHH XD TM Đ.T.L đã kê khai khấu trừ. Cùng việc xuất toán thuế GTGT đầu vào của 23 số hóa đơn nêu trên và một số hóa đơn mua vào, không liên quan sản xuất kinh doanh trong kỳ, dẫn đến làm phát sinh thuế GTGT phải nộp của hai năm 2008, 2009 là 1.321.494.131 đồng.

3.2. Truy thu thuế TNDN:

Tại thời điểm kiểm tra tại trụ sở Công Đ.T.L, do doanh nghiệp có hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp kê khai, hạch toán kế toán nhưng không cung cấp được sổ kế toán chi tiết liên quan đến chi phí tương ứng với doanh thu theo quy định của Luật kế toán, hành vi trên vi phạm khoản c, Khoản d và Khoản đ Điều 37 Luật quản lý thuế năm 2006”

“Điều 37. Ấn định thuế đối với người nộp thuế nộp thuế theo phương pháp kê khai trong trường hợp vi phạm pháp luật về thuế ...

c) Không khai thuế, không nộp bổ sung hồ sơ thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế hoặc khai thuế không chính xác, trung thực, đầy đủ về căn cứ tính thuế;

d) Không phản ánh hoặc phản ánh không đầy đủ, trung thực, chính xác số liệu trên sổ kế toán để xác định nghĩa vụ thuế;

đ) Không xuất trình sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ và các tài liệu cần thiết liên quan đến việc xác định số thuế phải nộp trong thời hạn quy định;

Căn cứ Nghị định 85/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế:

Điều 27. Căn cứ ấn định thuế

Cơ quan quản lý thuế ấn định thuế đối với các trường hợp quy định tại các Điều 25 và 26 Nghị định này căn cứ vào một trong các thông tin sau:

1. Cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý thuế thu thập từ:

a) Hồ sơ khai thuế, số thuế đã nộp của các kỳ, lần khai thuế trước;

b) Thông tin về các giao dịch kinh tế giữa người nộp thuế với tổ chức, cá nhân có liên quan;

c) Thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước cung cấp;

d) Thông tin khác do cơ quan quản lý thuế thu thập được.

2. Các thông tin về:

a) Người nộp thuế kinh doanh cùng ngành nghề, cùng qui mô tại địa phương;

b) Số thuế phải nộp bình quân của một số cơ sở kinh doanh cùng ngành nghề, cùng mặt hàng tại địa phương.

Căn cứ quy định nêu trên, Chi cục Thuế quận Gò Vấp khảo sát tỷ lệ thu nhập chịu thuế bình quân của 02 cơ sở kinh doanh cùng ngành nghề, quy mô tại địa phương:

+ Hồ sơ khai thuế năm 2007 của Công ty Đ.T.L đã được Cơ quan thuế kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế: Tỷ lệ thu nhập chịu thuế so với tổng doanh thu năm 2007 là 2,9%,

+ Hồ sơ khai thuế năm 2008 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư TM XNK SaGaCo, mst: 0304435210 đã được Cơ quan thuế kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế: Tỷ lệ thu nhập chịu thuế so với tổng doanh thu năm 2008 là 5,6%.

Với tỷ lệ thu nhập chịu thuế so với tổng doanh thu của 02 đơn vị nêu trên, Chi cục Thuế quận Gò Vấp áp dụng tỷ lệ thu nhập chịu thuế bình quân cho trường hợp của Công ty TNHH XD TM Đ.T.L năm 2008, 2009 với tỷ lệ: 4,25% $\{4,25\% = (2,9\% + 5,6\%)/2\}$.

Từ việc ấn định của Chi cục Thuế quận Gò Vấp nêu trên làm phát sinh số thuế TNDN phải nộp tăng thêm năm 2008, 2009 của Công ty Đ.T.L như sau:

+ Năm 2008: 168.090.731 đồng,

+ Năm 2009: 360.478.667 đồng.

- Về truy thu: qua xuất toán thuế GTGT và ấn định nêu trên, Chi cục Thuế quận Gò Vấp truy thu thuế GTGT và TNDN tương ứng như đã nêu trên.

Do hành vi trốn thuế của Công ty TNHH XD TM Đ.T.L thuộc niên độ năm 2008, 2009. Tính đến thời điểm ban hành quyết định xử lý về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế tại trụ sở Công ty đã hết thời hiệu xử phạt theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 110 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006:

“Điều 110. Thời hiệu xử phạt vi phạm pháp luật về thuế

3. Quá thời hiệu xử phạt vi phạm pháp luật về thuế thì người nộp thuế không bị xử phạt nhưng vẫn phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn, số tiền thuế gian lận vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ quy định nêu trên, Chi cục Thuế quận Gò Vấp ban hành Quyết định số 04/QĐXL-CCT-KT6 ngày 11/01/2016 xử lý truy thu thuế GTGT, DNTN đối với Công ty TNHH XD TM Đ.T.L như sau :

+ Truy thu thuế GTGT: 1.321.494.131 đồng

+ Truy thu thuế TNDN: 528.569.398 đồng

+ Không xử phạt do hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

Do đó bác khởi kiện của Công ty Đ.T.L yêu cầu hủy Quyết định 04/2016/QĐXL-CCT-KT6

[4]. Xét quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 03/QĐGQKN-CCT-KTNB ngày 05/ 4/ 2016 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận Gò Vấp:

Nội dung quyết định theo hướng giữ nguyên quyết định 04/2016/QĐXL-CCT-KT6, như phân tích ở mục [3], nên bác khởi kiện

[5]. Xét quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 89/QĐ-CT-KN ngày 19/ 8/ 2016 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh:

Tương tự nội dung quyết định theo hướng giữ nguyên quyết định 04/ 2016/QĐXL-CCT-KT6 và 03/ 2016/ QĐGQKN-CCT-KTNB. Như phân tích ở mục [3], [4], bác khởi kiện của Công ty Đ.T.L.

[6]. Xét quyết định 10994/QĐ-CCT-QLN ngày 20/ 7/ 2016 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận Gò Vấp:

Quá thời hạn 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thuế Chi cục trưởng Chi cục thuế quận Gò Vấp ban hành quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại Ngân hàng để thi hành quyết định hành chính thuế, số tiền bị cưỡng chế tương ứng với tiền thuế GTGT và TNDN phải nộp, theo qui định tại khoản 1 Điều 2, điểm a khoản khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 215/2013/TT-BTC ngày 31 / 12/ 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế. Do đó bác khởi kiện của Công ty Đ.T.L yêu cầu hủy quyết định 10994/2016/QĐCCT-QLN.

[7]. Án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố Tụng Hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009, cùng các Điều luật đã viện dẫn;

Xử:

1. Không chấp nhận khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại Đ.T.L, yêu cầu: hủy Quyết định số 04/QĐXL-CCT-KT6 ngày 11 tháng 01 năm 2016; quyết định số 03/QĐGQKN-CCT-KTNB ngày 05 tháng 4 năm 2016; quyết định số 10994/QĐ-CCT-QLN ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận Gò Vấp và quyết định số 89/QĐCT-KN ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại Đ.T.L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; căn trừ hết vào tạm ứng án phí theo phiếu thu số AA/2016/ 0016735 ngày 23/8/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án xử sơ thẩm công khai, Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại Đ.T.L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chi cục trưởng Chi cục thuế quận Gò Vấp, Cục trưởng cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục thi hành án dân sự TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hiếu

